

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HS-ST

Ngày 06 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lam

Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chử - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên số 12/2021/HSST-QĐ ngày 29/12/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh ngày 23/7/1973 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; Số Căn cước công dân 002073000249, do Cục trưởng cục C sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/3/2021; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Lý Thị C, sinh năm 1936; vợ là Mai Thị H, sinh năm 1977, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Nguyễn Văn K, sinh ngày 07/11/1989 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; Số CMND 073225578 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 11/5/2007; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị K sinh năm 1964; vợ là Nguyễn Hồng T, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/8/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh

Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc theo Bản án số 38/2021/HS-ST. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt

3. Nguyễn Văn D, sinh ngày 28/09/1994 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; Số căn cước công dân 002094000304 do Cục C sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/3/2021; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970 và bà Lộc Thị L, sinh năm 1971; vợ là Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 2001, có 01 con sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 03/02/2021 bị Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01926/QĐ-XPHC; nhân thân: Ngày 10/8/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Tổ chức đánh bạc theo Bản án số 38/2021/HS-ST. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4. Hoàng Văn Q, sinh ngày 07/7/1991 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; số CMND 073213449 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 21/9/2006; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị L), sinh năm 1970; Sống chung như vợ chồng với Lý Thị T (Lý Thị Đ), sinh năm 1999, có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án số 09/2017/HS-ST, ngày 24/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, bị cáo chưa chấp hành hình phạt tiền; tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/9/2021, hiện nay đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

5. Nguyễn Trường N, sinh ngày 10/10/1979 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; số căn cước công dân 002079000591 do Cục C sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/4/2021; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung C, sinh năm 1955 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1959; vợ là Sầm Thị N, sinh năm 1981, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án số 09/2017/HS-ST, ngày 24/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc, chấp hành xong ngày 10/03/2017 (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Nông Công N, sinh ngày 01/05/1968 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; số căn cước công dân 002068005448 do Cục C sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp

ngày 27/6/2021; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Quang C, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937 (đều đã chết); vợ là Mai Thị X, sinh năm 1970, hiện có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

7. Nông Văn N, sinh ngày 04/03/1973 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; số CMND 073088527 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/3/2015; trình độ học vấn: Lớp 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Quang C, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937 (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

8. Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/8/1986, tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; số CMND 073135372 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 30/12/2011; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1950; vợ là Lộc Thị M, sinh năm 1991, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

9. Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/8/1971 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; số CMND 073274183 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 06/5/2017;; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1970, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ 03/8/2021 đến ngày 11/8/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

10. Nguyễn Văn L, sinh ngày 24/04/1979 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; Số Căn cước công dân 002079000329, do Cục trưởng cục C sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/3/2021; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Dương Thị Í, sinh năm 1944; vợ là Ma Thị K, sinh năm 1979, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2007, tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

11. Đỗ Trung V, sinh ngày 08/03/1988 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn M, xã Vô Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; số căn

cước công dân 002088004062 do Cục C sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cấp ngày 10/5/2021; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thế K, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954; vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1991, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

12. Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/7/1978, tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề N: Lao động tự do; Số Căn cước công dân 002078006455, do Cục trưởng cục C sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; vợ là Lộc Thị Liễu, sinh năm 1980, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Lộc Thị M, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963, nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Lộc Thị L, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng:* Anh Nguyễn Khánh D, sinh năm 1988. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 00 giờ 30 phút ngày 02/8/2021, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Bắc Quang tiến hành kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang tại nhà sàn của gia đình bà Mai Thị H, sinh năm 1977 trú tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang, tại vị trí gian đầu tiên từ cửa chính vào các đối tượng đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng gồm: Nguyễn Văn L, sinh năm 1979; Nông Công N, sinh năm 1968; cùng trú tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; trú tại thôn Q, xã M,

huyện B, tỉnh Hà Giang. Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; trú tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nguyễn Trường N, sinh năm 1979; trú tại thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Hà Giang. Đỗ Trung V, sinh năm 1988; trú tại thôn M, xã , huyện B, tỉnh Hà Giang và một số đối tượng khác đã bỏ trốn khỏi hiện trường.

Vật chứng Tgiữ tại chiếu bạc gồm: Số tiền 8.850.000đ (*tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) với nhiều mệnh giá khác nhau; 01 (*một*) bát sứ màu trắng đã qua sử dụng; 01 (*một*) đĩa sứ tròn màu trắng có hoa văn hình bông hoa đã qua sử dụng; 04 (*bốn*) quân bạc bằng tre đóm, một mặt màu đen, một mặt màu trắng; 01 (*một*) chiếu nhựa màu trắng - vàng - đỏ - đen đã qua sử dụng; 01 (*một*) con dao dài 34cm, chuôi dao bằng gỗ đã qua sử dụng; 01 (*một*) thanh tre dài 18,5cm; 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 6S đã qua sử dụng. Ngoài ra, cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra trên người các đối tượng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nông Công N, Nguyễn Văn C tổng số tiền 6.910.000đ (*sáu triệu chín trăm mười nghìn đồng*) và Tgiữ một số đồ vật, tài liệu liên quan. Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã lập biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu liên quan để điều tra theo quy định của pháp luật.

Từ ngày 02/8/2021, 03/8/2021 và 11/8/2021 các đối tượng còn lại đã lần lượt đến Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Bắc Quang để đầu thú thừa nhận hành vi đánh bạc của mình gồm: Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; trú tại thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nguyễn Văn N, sinh năm 1971; trú tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang và Nguyễn Văn D, sinh năm 1994; trú tại thôn Q, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang. Đối với Nông Văn N, sinh năm 1973; trú tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang, khi cơ quan C sát điều tra Công an huyện Bắc Quang bắt quả tang đã bỏ chạy, trong lúc bỏ chạy Nông Văn N đã bị thương phải điều trị tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quang, ngày 04/8/2021 C sát điều tra Công an huyện Bắc Quang tiến hành làm việc với Nông Văn N tại Khoa chấn thương Bệnh viện Đa khoa khu vực B, Nông Văn N đã khai nhận hành vi đánh bạc ngày 02/8/2021 tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận: Vào khoảng 21 giờ ngày 01/8/2021, Nguyễn Văn D gọi điện thoại cho Nguyễn Văn K và Nguyễn Trường N rủ K và N đến chợ xã Q ngồi chơi uống nước, sau đó D một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh đen BKS 23D1-228.89 của D đi từ nhà đến chợ xã Q chơi. Trên đường đi, D gặp Nguyễn Khánh D, sinh năm 1988 trú tại thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang và rủ D1 đi chơi cùng, D1 đồng ý và đi cùng xe mô tô với D đến chợ xã Q. Khi đến chợ, D và D1 gặp Nguyễn Văn T và Nguyễn Trường N, lúc này T rủ mọi người vào nhà của Nguyễn Văn N chơi và để T lấy tiền cá, thấy vậy D và D1 đi đến nhà Nguyễn Văn N trước, còn T và N đi sau. Khi đến nhà Nguyễn Văn N thì T đi vào trong nhà để lấy tiền cá trước đó Nguyễn Văn N nợ là 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) còn D và D1 đứng bên ngoài nói chuyện với N, N có bảo D, D1, T là đi vào nhà Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 trú tại thôn M, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang chơi vì trước đó khi C và Nguyễn Văn L ngồi uống nước tại nhà N có rủ N khi nào đóng cửa quán thì vào nhà C chơi. Thấy vậy, D và D1 đi xe mô tô vào nhà C trước, trên đường đi D1 gọi điện thoại rủ Nông Công N vào nhà C

chơi và Nông Công N đồng ý. Khi N đến nhà của Nguyễn Văn N thấy D và D1 đi về phía nhà C nên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Arigato màu đỏ đen BKS 23H5-4421 (xe mượn của Nguyễn Văn T) đi theo. T lấy tiền cá xong điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc BKS 23D1-347.22 đi vào nhà C.

Khi đến chợ xã Q, K không thấy D đâu nên đã gọi điện thoại hỏi D thì D bảo vào nhà C chơi, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125 màu trắng đen BKS 23D1-397.22 đi vào nhà C, trên đường vào nhà C, K đi qua nhà Nông Văn N và thấy có nhiều xe để trước sân của gia đình Nghệ đồng thời gặp Tvà N cũng đang gửi xe ở nhà Nông Văn N, qua nói chuyện K biết T và N cũng đi vào nhà C chơi nên cả ba cùng nhau đi bộ vào nhà C. Khi cả nhóm đến nhà C thì gặp: C, L, D, D1, Nông Công N đang ngồi uống nước, nói chuyện, trong quá trình nói chuyện K có nói với mọi người “làm tí nhì”, ý là rủ mọi người đánh bạc, mọi người đồng ý. Sau đó K nói với C “tí khác có tiền điện nước”, C không nói gì. Lúc này K đi xuống bếp nhà C lấy 01 (một) con dao dài 34cm, chuôi dao bằng gỗ và 01 (một) thanh tre đã khô mang lên chỗ mọi người ngồi uống nước và cắt 04 (bốn) quân bạc, trong lúc K cắt quân thì K bảo D đi xuống bếp nhà C lấy 01 (một) bát sứ màu trắng và 01 (một) đĩa sứ màu trắng có hoa văn hình bông hoa mang lên nhà. Vào khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi chuẩn bị xong các công cụ để đánh bạc, Nguyễn Văn N đi bộ đến nhà C và cùng mọi người ngồi xuống chiếu đã được trải sẵn dưới nền nhà và cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam Đồng. Lúc này có K, D, L, Thu, N, Nông Công N và Nguyễn Văn N tham gia đánh bạc, C và D1 không bỏ tiền đặt cược.

Cách thức đánh bạc được quy ước như sau: Phía bên tay trái người xóc đĩa là lẻ, bên tay phải là chẵn, người xóc đĩa cho 04 quân bạc bằng đóm vào trong đĩa rồi úp bát lên và dùng tay xóc nhiều lần rồi đặt xuống, sau đó những người tham gia đánh bạc bắt đầu đặt cược tiền vào cửa chẵn, cửa lẻ, số tiền đặt cược tùy thuộc vào người chơi thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng. Căn cứ để xác định thắng thua là D1a vào số mặt của bốn quân bạc khi mở bát, người chơi đặt cược tiền ở bên “chẵn” hoặc “lẻ” với tỉ lệ là 1 ăn 1: nếu kết quả cả 04 quân bạc cùng một màu hoặc 02 cặp quân bạc cùng một màu thì quy ước là chẵn; nếu 03 quân bạc cùng một màu và 01 quân bạc còn lại khác màu thì quy ước là lẻ. Sau khi người chơi đặt cược thì người xóc đĩa sẽ mở bát, nếu kết quả quân bạc là “chẵn” thì người đặt cược bên “chẵn” sẽ được số tiền tương ứng với số tiền đặt cược, còn người đặt cược bên “lẻ” sẽ thua số tiền đặt cược và ngược lại. K là người trực tiếp xóc đĩa cho mọi người đặt cược đồng thời làm cái, chịu trách nhiệm trả tiền cho những người chơi thắng cược, đối với số tiền của những người chơi thua cược thì K được hưởng hết.

Khi mọi người đánh bạc được khoảng 30 phút thì Đỗ Trung V một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva màu đen BKS 23H1-5868 (xe mượn của chị gái Đỗ Thị N) đi từ nhà đến nhà C để mời C hôm sau đến nhà ăn giải hạn. Khi đến cầu thang nhà C thì V gặp Hoàng Văn Q, sinh năm 1991 trú tại thôn H, xã A, huyện B, tỉnh Hà Giang đang chờ kéo lưới cá trên sông Lô đoạn gần nhà C nên đến nhà C chơi, do quen biết nhau từ trước nên cả hai cùng lên nhà C thì thấy mọi người đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, thấy vậy Việt

ngồi xuống chiếu và tham gia đánh bạc. Do không có tiền nên mới đầu Q chỉ ngồi xem, sau đó khi L ra bàn uống nước hút thuốc lào có đưa cho Q 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) gồm 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và nhờ Q thả tiền đặt cược hộ. Q thả tiền 02 lần, mỗi lần 50.000 đồng thì một ván thắng và một ván thua nên hòa tiền, sau khi L quay về chỗ ngồi thì Q đưa lại cho L 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Khoảng 23 giờ 30 phút, Nông Văn N thấy có nhiều người để xe mô tô trước sân nhà mình và thấy bên nhà Nguyễn Văn C có nhiều người nên đã đi bộ sang nhà C chơi, khi đến nơi Nghệ thấy mọi người đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa nên cũng tham gia đặt cược. Sau khi Nghệ đến thì Nguyễn Văn K có bảo mọi người ai tham gia đánh bạc thì nộp 100.000 đồng trả tiền điện nước cho chủ nhà. K được 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) của Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nông Văn N, Nông Công N, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Trường N sau đó đưa cho L và L đưa cho C, C nhận tiền và cất vào túi quần đang mặc, khi bị bắt quả tang C đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Sau khi đưa tiền cho chủ nhà, mọi người đánh bạc được khoảng 15 phút thì Nguyễn Văn T, một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh đen BKS 23D-245.25 từ nhà đến nhà C, do trước đó Tuyên gọi điện thoại cho Nông Công N, qua trao đổi Nông Công N rủ Tuyên vào nhà C đánh bạc, Tuyên đồng ý. Khi đến nơi Tuyên thấy mọi người đang đánh bạc nên cũng tham gia bỏ tiền đặt cược.

Khi tham gia đánh bạc, Nguyễn Văn K mang theo khoảng 6.500.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền để đánh bạc; Nguyễn Văn T có 2.600.000đ (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) bỏ ra 200.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại không sử dụng để đánh bạc; Nông Công N có 1.510.000đ (*Một triệu năm trăm mười nghìn đồng*), đã sử dụng số tiền 500.000 đồng để tham gia đánh bạc, số tiền còn lại không sử dụng để đánh bạc; Nguyễn Văn L có 2.800.000đ (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*), đã sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại có ý định tiếp tục sử dụng để đánh bạc nhưng chưa kịp đánh thì bị bắt quả tang; Nguyễn Trường N có 300.000 đồng; Đỗ Trung V có 300.000 đồng; Nguyễn Văn T có 400.000 đồng; Nguyễn Văn D có 500.000đ đồng; Nguyễn Văn N có 500.000 đồng; Nông Văn N có 350.000 đồng. Tổng số tiền các bị can khai mang theo để sử dụng vào việc đánh bạc là 12.350.000đ (*Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*). Các bị can đánh bạc đến 00 giờ 30 phút ngày 02/8/2021 thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Ngày 05/8/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 104/QĐ, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định số tiền Trên chiếu bạc và tiền Trên người các đối tượng là tiền thật hay tiền giả. Tại Kết L giám định số: 344/KL-PC09 ngày 10/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết L: 67 (*Sau mười bảy*) tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Với chứng cứ và hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 58/CT-VKSBQ ngày 26/10/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã

truy tố: Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn D, Hoàng Văn Q, Nguyễn Trường N, Nguyễn Văn N, Nông Công N, Nông Văn Nghệ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Đỗ Trung V về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn C về tội “Gá bạc”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố.

1. Về tội danh:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Gá bạc”. Các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn D, Hoàng Văn Q, Nguyễn Trường N, Nguyễn Văn N, Nông Công N, Nông Văn Nghệ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Đỗ Trung V phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về điều luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt **Nguyễn Văn C** từ 15 - 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 - 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58, đoạn 1 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** từ 14 - 16 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” của Bản án số 38/2021/HS-ST, ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 26 - 28 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 02/8/2021), bị cáo được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/7/2020 đến 03/8/2020 theo Bản án số 38/2021/HS-ST, ngày 10/8/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58, đoạn 1 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** từ 12 - 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 11/8/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52, đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị

xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Q** từ 09 - 12 tháng tù tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 14/9/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường N** 09 – 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Trường N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 36, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V;

+ Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** từ 20 - 24 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021.

+ Đề nghị xử phạt bị cáo **Đỗ Trung V** từ 15 - 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021.

+ Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 15 - 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 36, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nông Công N, Nông Văn Nghệ, Nguyễn Văn T;

+ Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 11/8/2021.

+ Đề nghị xử phạt bị cáo **Nông Công N** từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021.

+ Đề nghị xử phạt bị cáo **Nông Văn N1** từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 09 - 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V, Nguyễn Văn N, Nông Công N,

Nông Văn Nghệ, Nguyễn Văn T được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V, Nguyễn Văn N, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Đề nghị miễn khấu trừ Tnhập đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V, Nguyễn Văn N, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Đề nghị xử tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam là 12.350.000đ (*Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 (*một*) điện thoại di động bàn phím số nhãn hiệu NOKIA màu đen loại bàn phím số, cũ đã qua sử dụng đã Tgiữ của Nông Công N; 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, ốp lưng màu trắng trong, có chữ “TUYÊN” đã qua sử dụng.

- Đề nghị xử tịch Tvà tiêu hủy: 01(*một*) bát sứ màu trắng đã qua sử dụng; 01(*một*) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn đã qua sử dụng; 04 (*bốn*) quân bạc được làm bằng tre, một mặt màu đen, một mặt màu trắng; 01 (*một*) chiếu nhựa có màu đỏ, vàng, đen, trắng qua sử dụng; 01 (*một*) con dao dài 34 cm, chuôi bằng gỗ đã qua sử dụng; 01 (*một*) thanh tre dài 18,5cm.

- Đề nghị tuyên trả lại bị cáo Nguyễn Văn D 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu xanh đen, biển kiểm soát 23D1-228.89, xe đã qua sử dụng, xe có nhiều vết xước ở phần yếm 2 bên và đầu xe, xe không có gương chiếu hậu, không kiểm tra tình trạng của máy, xe không có chìa khóa; trả lại bị cáo Nguyễn Văn K 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng, đã qua sử dụng; Trả lại bị cáo Nguyễn Trường N 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, mặt sau ốp lưng màu xanh, có chữ “N” đã qua sử dụng;

4. Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Phần tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với điều luật áp dụng, tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản L tội.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh L tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan C sát điều tra huyện Bắc Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng trước đó người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt không có lý do, nhưng họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng. Xét thấy, những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên và xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai, bản tự khai nhận tội của các bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 02/8/2021, các biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, các biên bản đối chất, các biên bản nhận dạng, sơ đồ địa điểm nơi đánh bạc và vị trí ngồi tham gia đánh bạc do các bị cáo tự vẽ, các vật chứng đã Tgiữ tại hiện trường; lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết L giám định số 344/KL-PC09 ngày 10/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết L: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 30 phút ngày 01/8/2021 đến 00 giờ 30 phút ngày 02/8/2021, Nguyễn Văn C đã cho 11 đối tượng gồm: Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Trường N, Hoàng Văn Q, Đỗ Trung V thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền tại nhà ở thôn M, xã Q, huyện B thuộc quyền sở hữu, quản lý của bị cáo, số tiền Tgiữ tại chiếu bạc của các bị cáo đã sử dụng vào đánh bạc khi bắt quả tang là 8.850.000đ (*Tám triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*), ngoài ra còn Tgiữ trên người của Nguyễn Văn L số tiền sẽ sử dụng vào việc đánh bạc là 2.800.000đ và Tgiữ số tiền Tlọt bất chính của Nguyễn Văn C là 700.000đ, tổng số

tiền là 12.350.000 đồng (*Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) và các công cụ phục vụ cho việc đánh bạc. Vì vậy, Cáo trạng Viện kiểm nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trường N, Hoàng Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Gá bạc" quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội và có căn cứ chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội “Đánh bạc” của các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn D, Nguyễn Trường N, Hoàng Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt Cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; còn hành vi phạm tội “Gá bạc” của bị cáo Nguyễn Văn C, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư L xấu và ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc và gá bạc là vi phạm pháp luật, song với động cơ, mục đích kiếm tiền bất hợp pháp, các bị cáo đã cố ý thực hiện các hành vi gá bạc và đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa để sát phạt được thua bằng tiền của nhau. Do đó, cần phải có một mức án phù hợp đối với mỗi bị cáo về hành vi phạm tội đã gây ra.

[5] Xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của những người phạm tội thấy rằng: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp bột phát, ngẫu hứng không có sự câu kết chặt chẽ hay phân công lẫn nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Văn K là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi đánh bạc, đồng thời cũng là người chuẩn bị quân bạc, trực tiếp xóc đĩa và là người cầm cái đánh bạc với 10 bị cáo khác, sau khi đánh bạc bị cáo là người gợi ý những người tham gia đánh bạc nộp mỗi người 100.000đ để trả điện nước và tiền nhà cho Nguyễn Văn C, số tiền bị cáo K đã sử dụng tham gia đánh bạc trong vụ án này khoảng 6.500.000đ. Còn bị cáo Nguyễn Văn D với vai trò là người tham gia đánh bạc, bị cáo giúp sức Nguyễn Văn K lấy công cụ bát đĩa để phục vụ cho việc đánh bạc, số tiền bị cáo D sử dụng tham gia đánh bạc là 500.000 đồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc”. Trong vụ án này, bị cáo K và bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng đều là người có nhân thân xấu, tại Bản án số 38/2021/HS-ST, ngày 10/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 12 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn D bị xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng đều về tội “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo D còn là người có 01 tiền sự, ngày 03/02/2021 bị Công an huyện Bắc

Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Trong thời gian chưa bị xét xử về hành vi phạm tội trước, cả hai bị cáo lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, điều đó cho thấy các bị cáo đã coi thường pháp luật, không ăn năn hối cải, nên cần phải cách ly bị cáo K và bị cáo D ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo lấy đó làm bài học và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo K và bị cáo D đã thành khẩn khai báo, đã ra đầu thú, bị cáo Nguyễn Văn K còn có ông nội được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất và huân chương kháng chiến hạng nhì, nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên khi áp dụng mức hình phạt cũng cần xem xét vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp. Do Bản án số 38/2021/HS-ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã có hiệu lực pháp luật, cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu hình phạt chung theo Điều 55 của Bộ luật hình sự. Còn bị cáo Nguyễn Văn D do trước khi bị xử phạt tù cho hưởng án treo, Nguyễn Văn D đã thực hiện một tội phạm khác nên không tổng hợp hình phạt với bản án cho hưởng án treo. Bị cáo D phải đồng thời chấp hành 02 bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn C là người cho thuê địa điểm thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của mình và đã Tlời bất chính với số tiền là 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*), nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Gá bạc”, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt và có bố, mẹ để được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, căn cứ các điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và xét thấy trong thời gian tại ngoại bị cáo không có hành vi bỏ trốn, không có hành vi vi phạm pháp luật nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Đối với bị cáo Hoàng Văn Q tham gia với vai trò đánh bạc giúp sức cho Nguyễn Văn L, số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc hộ Nguyễn Văn L là 100.000 đồng, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có 01 tiền án, năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, do chưa chấp hành xong hình phạt chính là phạt tiền, bị cáo lại thực

hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo Hoàng Văn Q phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cũng được xem xét giảm nhẹ khi áp dụng mức hình phạt.

[8] Bị cáo Nguyễn Trường N, tham gia với vai trò đánh bạc số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc là 300.000đ, khi phạm tội đã từng bị kết án về hành vi đánh bạc và bị xử phạt 5.000.000 đồng, bị cáo đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích nhiều năm, thuộc trường hợp coi như chưa bị kết án theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tính chất, mức độ phạm tội lần này của bị cáo được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chỉ tham gia với vai trò không đáng kể; quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có ông nội được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì và bố để được tặng huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, căn cứ các điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và xét thấy trong thời gian tại ngoại bị cáo không có hành vi bỏ trốn, không có hành vi vi phạm pháp luật nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[9] Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V đều tham gia với vai trò đánh bạc, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc: Nguyễn Văn L 2.800.000đ; Nguyễn Văn N 500.000đ; Nông Công N 500.000đ; Nguyễn Văn T có 400.000đ; Nông Văn N có 350.000đ; Nguyễn Văn T 200.000đ; Đỗ Trung V có 300.000đ. Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại các điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Nông Công N, Nông Văn N có bố để được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Nguyễn Văn T có ông nội được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì nên các bị cáo Nông Công N, Nông Văn N và Nguyễn Văn T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ngoài lần phạm tội này ra các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp

dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự, cũng đủ răn đe giáo dục đối với các bị cáo. Tuy nhiên, khi áp dụng mức hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của mỗi bị cáo, để quyết định mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với mỗi bị cáo cho phù hợp.

[10] Về khẩu trừ Tnhập và hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề N, đều lao động tự do, không có Tnhập ổn định, nên không áp dụng khẩu trừ một phần Tnhập đối với các bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, cũng như không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo trong vụ án này theo quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

[11] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chủ sở hữu đối với các xe mô tô cho các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên cơ quan điều tra đã trả lại là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với những vật chứng cơ quan Công an huyện Bắc Quang tạm giữ, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, đã xử lý trả lại cho các chủ sở hữu tại giai đoạn điều tra, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[13] Các vật chứng Tgiữ còn lại được chuyển theo hồ sơ vụ án, trên cơ sở nghiên cứu tài liệu chứng cứ và quá trình thẩm vấn tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

[14] Đối với số tiền Tgiữ trong vụ án là 12.350.000đ (*Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 (*một*) điện thoại di động bàn phím số nhãn hiệu NOKIA màu đen loại bàn phím số, cũ đã qua sử dụng đã Tgiữ của Nông Công N; 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, ốp lưng màu trắng trong, có chữ “T” đã qua sử dụng. Xét thấy đây là số tiền và điện thoại có liên quan đến hành vi phạm tội, cần tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[15] Đối với công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội gồm: 01(*một*) bát sứ màu trắng đã qua sử dụng; 01(*một*) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn đã qua sử dụng; 04 (*bốn*) quân bạc được làm bằng tre, một mặt màu đen, một mặt màu trắng; 01 (*một*) chiếc nhựa có màu đỏ, vàng, đen, trắng đã qua sử dụng; 01 (*một*) con dao dài 34 cm, chuôi bằng gỗ đã qua sử dụng; 01 (*một*) thanh tre dài 18,5cm. Xét thấy không có giá trị sử dụng và không sử dụng được, cần tuyên tịch Ttiêu hủy.

[16] Đối với tài sản đã Tgiữ còn lại, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu xanh đen, biển kiểm soát 23D1-228.89, xe đã qua sử dụng, xe có nhiều vết xước ở phần yếm 2 bên và đầu xe, xe không có gương chiếu hậu, không kiểm tra tình trạng của máy, xe không

có chìa khóa; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn K 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng, đã qua sử dụng; Trả lại bị cáo Nguyễn Trường N 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, mặt sau ốp lưng màu xanh, có chữ “N” đã qua sử dụng;

[17] Về án phí: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[18] Từ những phân tích nêu trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án, đề nghị về tội danh, đề nghị áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với từng bị cáo, đề nghị xử lý vật chứng, án phí là hoàn toàn có cơ sở và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Gá bạc”

- Các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn D, Hoàng Văn Q, Nguyễn Trường N, Nguyễn Văn L, Đỗ Trung V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Gá bạc”. Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 17 và Điều 58, đoạn 1 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 14 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” tại Bản án số 38/2021/HS-ST, ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt chung là 26 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 02/8/2021). Bị cáo được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 25/7/2020 đến 03/8/2020 theo Bản án số 38/2021/HS-ST, ngày 10/8/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 17 và Điều 58, đoạn 1 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn D** từ

12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 11/8/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 38, Điều 17 và Điều 58, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52, đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn Q** 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 14/9/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17 và Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Trường N** 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Trường N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V;

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 20 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 19 tháng 03 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Đỗ Trung V** 15 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Đỗ Trung V phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 03 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 15 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 14 tháng 03 ngày.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nông Công N, Nông Văn Nghệ, Nguyễn Văn T;

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N** 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/8/2021 đến ngày 11/8/2021 (chuyển đổi theo tỷ lệ được 24 ngày). Bị cáo Nguyễn Văn N phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 06 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Nông Công N** 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 (chuyển

đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Nông Công Nghiệp phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 11 tháng 03 ngày.

+ Xử phạt bị cáo **Nông Văn N** 09 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 09 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/8/2021 đến ngày 11/8/2021 chuyển đổi theo tỷ lệ được 27 ngày). Bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 08 tháng 03 ngày.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V, Nguyễn Văn N, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Miễn khấu trừ T nhập đối với các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Đỗ Trung V, Nguyễn Văn N, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong 01 ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam là 12.350.000đ (*Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 (*một*) điện thoại di động bàn phím số nhãn hiệu NOKIA màu đen loại bàn phím số, cũ đã qua sử dụng đã T giữ của Nông Công N; 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, ốp lưng màu trắng trong, có chữ “TUYỀN” đã qua sử dụng.

- Tịch T và tiêu hủy: 01(*một*) bát sứ màu trắng đã qua sử dụng; 01(*một*) đĩa sứ màu trắng, có hoa văn đã qua sử dụng; 04 (*bốn*) quân bạc được làm bằng tre, một mặt màu đen, một mặt màu trắng; 01 (*một*) chiếu nhựa có màu đỏ, vàng, đen, trắng qua sử dụng; 01 (*một*) con dao dài 34 cm, chuôi bằng gỗ đã qua sử dụng; 01 (*một*) thanh tre dài 18,5cm.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn D 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu xanh đen, biển kiểm soát 23D1-228.89, xe đã qua sử dụng, xe có nhiều vết xước ở phần yếm 2 bên và đầu xe, xe không có gương chiếu hậu, không kiểm tra tình trạng của máy, xe không có chìa khóa. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn K 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 6S, màu vàng, đã qua sử dụng; Trả lại bị cáo Nguyễn Trường N 01 (*một*) điện thoại di động màn

hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO, mặt sau ốp lưng màu xanh, có chữ “N” đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, biên lai Ttiền số 0001509 và Ủy nhiệm chỉ, ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Bắc Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự, Điều 3, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn D, Hoàng Văn Q, Nguyễn Trường N, Nguyễn Văn L, Đỗ Trung V, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nông Công N, Nông Văn N, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân D1 có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã, thị trấn nơi các bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đàm Thị Tư

